TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2018
V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Huỳnh Hưởng**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Chí Công** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc: Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Út D**, sinh năm 1993.

Đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1983; Trú tại: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn chị **Trần Út D** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, nhưng chị và anh N không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, do anh Nam thường hay rượu chè, đánh đập chị rất nhiều lần; chị đã về sinh sống với cha mẹ ruột tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Anh N có đến nhà yêu cầu chị về sống chung, chị cũng đã về sống chung với anh N. Tuy nhiên, anh N vẫn tánh nào tật nấy, không thay đổi, vẫn đánh đập chị.

Nay, chị nhận thấy cuộc sống của vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại được nữa; hiện chị đang sinh sống với cha mẹ ruột tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn N có 02 người con chung tên: Nguyễn Quốc A, sinh ngày 24/12/2009, Nguyễn Thị Thùy A, sinh ngày 16/4/2011. Hiện 02 cháu đang sinh sống với anh N tại ấp 2, xã K, huyện T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Thùy A, còn cháu Quốc A giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng; không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh N vẫn vắng mặt tại tòa; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Quốc A và cháu Nguyễn Thị Thùy A; kết quả cháu Quốc A và cháu Thùy A đều có ước nguyện ở chung với chị D.

Tại phiên tòa, chị Trần Út D trình bày: về hôn nhân, chị D yêu cầu ly hôn với anh N; về con chung hiện đang sống chung và chị đồng ý tiếp tục nuôi các cháu; yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ, không có nên không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; về quan hệ pháp luật tranh chấp là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn Nam vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn N theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ Đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau xác định chị Trần Út D và anh Nguyễn Văn N không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K; đồng thời chị D xác định giữa chị và anh N chung sống với nhau từ năm 2008, không có đăng ký kết hôn; mặc dù anh chị có đủ điều kiện kết hôn nên việc kết hôn không thỏa mãn về mặt hình thức.

Chị D yêu cầu ly hôn với anh N do trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn lại được, do anh N có hành vi bạo lực gia đình đối với chị nhiều lần và hiện anh chị đã không còn sống chung; đối với anh N, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh N không có văn bản hay ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Xét, mâu thuẫn giữa chị D và anh N là thực tế có xảy ra; đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] *Về con chung*: Giữa chị D và anh N có 02 người con chung tên: Nguyễn Quốc A, sinh ngày 24/12/2009, Nguyễn Thị Thùy A, sinh ngày 16/4/2011. Hiện 02 cháu đang sinh sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các cháu, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi các cháu theo quy định của pháp luật.

Đối với anh N vắng mặt tại phiên tòa, cũng không có ý kiến về việc nuôi con chung của chị D.

Xét, con chung tên Nguyễn Quốc A và Nguyễn Thị Thùy A có nguyện vọng được sống chung với chị D; hiện các cháu đang sống chung và gần gũi với chị D, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Quốc A và cháu Thùy A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Tại phiên tòa, chị D yêu cầu anh Nam có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các cháu theo quy định của pháp luật.

Xét, theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con*", do đó buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quốc A và cháu Thùy A là phù hợp với quy định pháp luật.

Về mức cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại khoản 2, mục III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới 1/2 mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.390.000 đồng, do đó buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu số tiền 695.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 28/9/2018.

[5] *Về tài sản chung và nợ:* Chị Trần Út D xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Út D phải chịu án

phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 238; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Út D về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Út D và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 24/12/2009 và cháu Nguyễn Thị Thùy A, sinh ngày 16/4/2011 cho chị Trần Út D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quốc A và cháu Thùy A với mỗi cháu số tiền 695.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu Quốc A và cháu Thùy A đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 28/9/2018.

Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Út D xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Út D đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008388 ngày 03/7/2018 được chuyển thu án phí; anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang